

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ  
CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF**



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

51338  
CÔNG  
T  
A TOÁN  
K  
PH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 08/5/2020. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**Vốn điều lệ** 17.257.000.000 đồng

**Vốn thực tế** 17.256.635.403 đồng

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3516 2933

Mã số thuế: 0303218213

### Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng thành viên:	Chức vụ
- Ông Hoàng Quốc Tiến	Chủ tịch
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên

Kiểm soát viên	Chức vụ
- Bà Trần Thị Thùy Dung	Kiểm soát viên - bổ nhiệm ngày 04/11/2023

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
- Ông Lê Trí Bá	Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Nga	Phó Giám đốc
- Bà Lâm Thị Hoàng Hương	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Anh Quân	Kế toán trưởng

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KMF được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



**Lê Trí Bá**  
Giám đốc

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

**Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám Đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận nợ phải thu khách hàng (thuyết minh tại V.02). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của các khoản số dư này.



(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

- Công ty ghi nhận nguồn kinh phí sự nghiệp gồm các nguồn sau đây: Nguồn thu và chi hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước; Nguồn thu 5% của giá bán căn hộ (2% chi phí quản lý, 3% chi phí duy tu bảo dưỡng); Nguồn kinh phí quản lý đất nền và Nguồn khác. Công ty sử dụng tài khoản 161- chi sự nghiệp để ghi chi, tài khoản 461 để ghi thu. Các hoạt động thu chi này Công ty thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Sở tài chính thành phố Hồ Chí Minh. Năm tài chính 2023 Công ty tạm kết chuyển phải nộp về ngân sách thành phố Hồ Chí Minh số tiền 139.747.471 đồng; tiền thuế sử dụng đất là 3.246.382.985 đồng.

- Năm 2023 Công ty chưa có thông báo kế hoạch lương cho viên chức quản lý và người lao động của Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh vì vậy Công ty tạm trích quỹ tiền lương năm 2023 của viên chức quản lý và người lao động theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ. Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2023.

Quỹ tiền lương năm 2022 đã được phê duyệt theo Thông báo số 91/TB-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2024 xác định Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện người quản lý của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận Bình Thạnh.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF**

Giám đốc

Kiểm toán viên



**Trần Minh Bảo**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-243-1

**Hà Phương Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3776-2021-243-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>126.520.819.171</b>	<b>150.981.077.594</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>26.142.766.842</b>	<b>55.703.263.611</b>
1. Tiền	111	V.01	26.142.766.842	49.703.263.611
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.978.933.762</b>	<b>36.411.484.567</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	29.003.454.852	27.694.159.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.241.605.371	1.808.650.769
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	4.733.873.539	6.908.674.368
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>64.385.349.578</b>	<b>58.766.293.834</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	64.385.349.578	58.766.293.834
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.768.989</b>	<b>100.035.582</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	-	86.636.109
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	13.768.989	13.399.473
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.912.944.814</b>	<b>14.411.095.773</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.349.723.136</b>	<b>11.847.874.095</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	10.349.723.136	11.847.874.095
Nguyên giá	222		32.539.727.219	32.231.707.051
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.190.004.083)	(20.383.832.956)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>2.563.221.678</b>	<b>2.563.221.678</b>
Nguyên giá	231	V.08	4.215.503.786	4.215.503.786
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.652.282.108)	(1.652.282.108)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>139.433.763.985</b>	<b>165.392.173.367</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

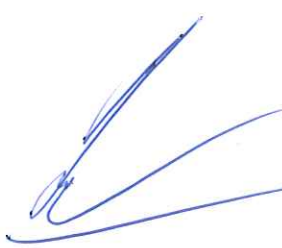
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>99.065.165.347</b>	<b>114.950.646.031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>96.977.155.347</b>	<b>111.224.724.031</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	4.574.650.563	4.574.882.241
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	872.093.101	496.383.231
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	20.354.896.261	38.537.879.003
4. Phải trả người lao động	314	V.12	5.007.532.397	9.660.662.686
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.254.521.090	-
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	5.992.223.231	5.444.124.801
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	44.973.586.892	44.662.242.839
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.637.912.000	1.985.928.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	12.309.739.812	5.862.621.230
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.088.010.000</b>	<b>3.725.922.000</b>
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.088.010.000	3.725.922.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.368.598.638</b>	<b>50.441.527.336</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>23.599.360.239</b>	<b>32.727.506.179</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.256.635.403	17.256.635.403
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.342.724.836	15.470.870.776
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	9.047.207.472
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.342.724.836	6.423.663.304
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	V.19	<b>16.769.238.399</b>	<b>17.714.021.157</b>
1. Nguồn kinh phí	431		10.353.379.806	11.298.162.564
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		6.415.858.593	6.415.858.593
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>139.433.763.985</b>	<b>165.392.173.367</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

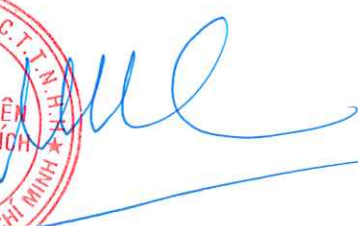
Ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Tiến Khoa  
Người lập biểu



Nguyễn Anh Quân  
Kế toán trưởng

Lê Trí Bá  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

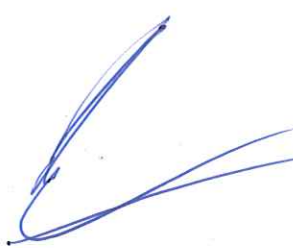
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>111.931.825.939</b>	<b>128.772.053.050</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>5.863.941.978</b>	<b>21.388.443.216</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>106.067.883.961</b>	<b>107.383.609.834</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	88.537.354.368	90.356.178.077
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>17.530.529.593</b>	<b>17.027.431.757</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	187.360.418	364.080.217
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	-	289.644.932
- trong đó: chi phí lãi vay	23		-	289.644.932
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	9.827.925.184	9.123.876.919
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.889.964.827</b>	<b>7.977.990.123</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.06	40.611.559	51.589.312
12. Chi phí khác	32	VI.07	2.170.341	305
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>38.441.218</b>	<b>51.589.007</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.928.406.045</b>	<b>8.029.579.130</b>
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.585.681.209	1.605.915.826
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.342.724.836</b>	<b>6.423.663.304</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Tiến Khoa  
Người lập biểu



Nguyễn Anh Quân  
Kế toán trưởng



Lê Trí Bá  
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		36.195.044.078	49.759.007.674
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(28.965.421.588)	(37.871.945.556)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(41.324.634.000)	(41.635.102.822)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(316.361.152)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.512.451.578)	(2.044.185.056)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		118.283.549.859	136.006.859.441
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(109.207.722.351)	(97.017.347.947)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(27.531.635.580)</b>	<b>6.880.924.582</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(224.231.750)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		181.298.561	362.230.398
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.933.189)</b>	<b>362.230.398</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.985.928.000)	(1.985.928.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.985.928.000)</b>	<b>(1.985.928.000)</b>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

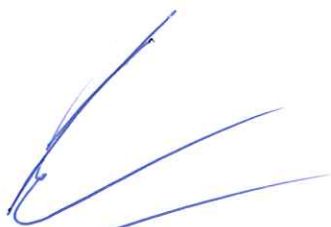
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(29.560.496.769)	5.257.226.980
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		55.703.263.611	50.446.036.631
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		26.142.766.842	55.703.263.611

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

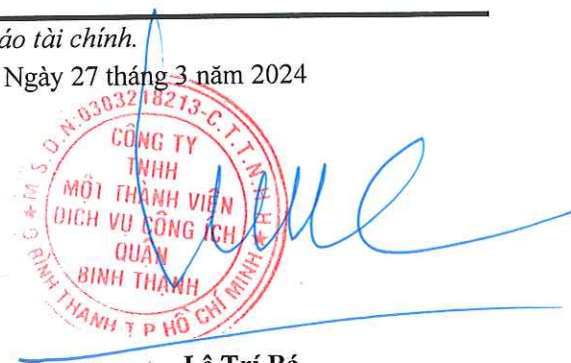
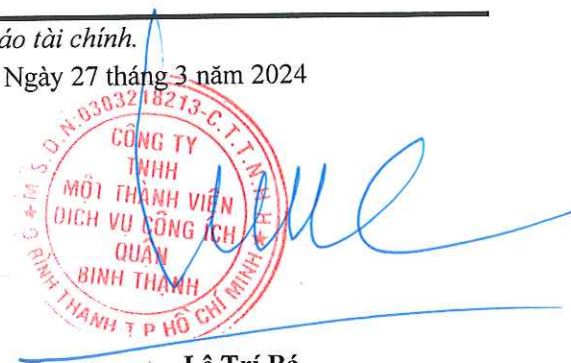
Ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Tiến Khoa  
Người lập biểu



Nguyễn Anh Quân  
Kế toán trưởng



Lê Trí Bá  
Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 5, ngày cấp 08/5/2020. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 17.257.000.000 VND

- Vốn thực tế: 17.256.635.403 VND

Trụ sở đặt tại: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm không có hoạt động nào ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

#### 6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 số lao động của công ty là 343 người

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- b. *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền  
c. *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên  
d. *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

##### a. TSCĐ hữu hình:

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng và phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>6.712.920.278</b>	<b>4.509.972.370</b>
- Tiền mặt tại quỹ VNĐ	5.474.000.278	3.271.052.370
- Vàng bạc, kim khí, đá quý	1.238.920.000	1.238.920.000
<b>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</b>	<b>19.429.846.564</b>	<b>45.193.291.241</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	9.711.046.267	25.240.968.803
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (tái định cư)	3.773.669.182	6.212.592.014
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	5.940.346.501	8.808.714.917
- Ngân hàng quân đội - MBBank	4.784.614	4.931.015.507
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>6.000.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	6.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.142.766.842</b>	<b>55.703.263.611</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
<b>2. Phải thu khách hàng</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Phòng tài chính kế hoạch Quận Bình Thạnh	3.187.618.182		3.187.618.182	
- Ban Quản lý ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - KP thu gom, VCR	15.032.379.540		7.330.628.819	
- Ban Quản lý ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - CX	395.721.449		396.432.813	
- Ban Quản lý ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - Duy tu đường bộ	6.255.825		125.116.496	
- Ban Quản lý ĐTXDCT Quận Bình Thạnh - XD Ctrinh	2.683.319.858		8.001.603.500	
- Các công nợ cá nhân, DN - DV nhà SHNN	5.992.223.231		5.444.124.801	
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố	-		1.536.693.412	
- Các khách hàng khác	1.705.936.767		1.671.941.407	
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.003.454.852</b>		<b>27.694.159.430</b>	
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
- Công ty CP Cấp nước Gia Định	-		256.274.604	
- Công ty Cổ Phần Chứng Khoán ASC	49.500.000		49.500.000	
- Lê Thanh Tươi - xe ép tư nhân 51C-978.42	424.321.747		424.321.747	
- Lê Thanh Tươi - xe ép tư nhân 51D-080.29	209.798.846		209.798.846	
- Cty TNHH Xử lý Môi Trường Biển Xanh Vina	1.501.121.689		768.246.072	
- Công ty Kiểm toán CPA Việt Nam	49.500.000		49.500.000	
- Khác	7.363.089		51.009.500	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.241.605.371</b>		<b>1.808.650.769</b>	
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
<i>Ngắn hạn</i>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	164.415.604		-	
- Ký quỹ ở Phòng QLĐT -tk 13881	51.917.200		51.917.200	
- BHXH, BHYT	174.490.338		187.411.047	
- Các khoản tạm ứng CNV	1.206.105.602		1.406.460.602	
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	95.000.000		168.425.473	
- Ký quỹ thực hiện bảo lãnh tại ngân hàng MB	-		1.035.991.015	
- Ký quỹ thực hiện bảo lãnh tại ngân hàng Vietinbank	3.031.883.008		3.043.686.142	
- Thu hộ tiền nước Chung cư 1050 căn	-		867.401.070	
- Phải thu khác-tk 13881	1.000.000			
- Phải thu khác-tk 33885	9.061.787		147.381.819	
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.733.873.539</b>	<b>-</b>	<b>6.908.674.368</b>	<b>-</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.982.640		-	
Công cụ, dụng cụ	-		201.481.481	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	64.370.366.938		58.564.812.353	
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.385.349.578</b>	<b>-</b>	<b>58.766.293.834</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết các CP SXKD dở dang:

	31/12/2023	01/01/2023
- Thi công các công trình kinh doanh	827.993.700	676.905.095
- Thi công các công trình công ích	-	580.316.802
- Vận chuyển rác	1.519.180.190	3.136.883.979
- Duy tu CVCX	650.405.140	718.085.012
- Dịch vụ vệ sinh quét thu gom bổ sung 99 tuyến hẻm	6.806.711.392	-
<b>- Hoạt động dự án Phường 13 Quận Bình Thạnh</b>		
+ Hạng mục tổng thể	54.561.523.597	53.448.068.546
+ Hạng mục Chung cư	4.552.919	4.552.919
<b>Cộng</b>	<b>64.370.366.938</b>	<b>58.564.812.353</b>

6. Chi phí trả trước	31/12/2023	Tăng	Giảm	01/01/2023
<i>Ngắn hạn</i>				
Chi phí sửa chữa công viên Lô I	-	-	86.636.109	86.636.109
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>86.636.109</b>	<b>86.636.109</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2023	5.617.055.309	25.983.182.470	631.469.272	32.231.707.051
- Mua trong năm	-	-	171.257.509	171.257.509
- Đầu tư XD CB hoàn thành	136.762.659	-	-	136.762.659
<b>Số dư ngày 31/12/2023</b>	<b>5.753.817.968</b>	<b>25.983.182.470</b>	<b>802.726.781</b>	<b>32.539.727.219</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2023	4.878.816.293	14.989.773.391	515.243.272	20.383.832.956
- Khấu hao trong năm	293.875.113	1.454.909.100	57.386.914	1.806.171.127
<b>Số dư ngày 31/12/2023</b>	<b>5.172.691.406</b>	<b>16.444.682.491</b>	<b>572.630.186</b>	<b>22.190.004.083</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư ngày 01/01/2023	738.239.016	10.993.409.079	116.226.000	11.847.874.095
<b>Số dư ngày 31/12/2023</b>	<b>581.126.562</b>	<b>9.538.499.979</b>	<b>230.096.595</b>	<b>10.349.723.136</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng bao gồm:

Tại ngày	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>01/01/2023</b>	4.152.716.393	11.434.091.561	437.759.272	<b>16.024.567.226</b>
<b>31/12/2023</b>	4.404.779.400	11.434.091.561	437.759.272	<b>16.276.630.233</b>

Phương tiện vận tải gồm các xe chuyên chở ép rác có nguyên giá 14.549.090.909 đồng, giá trị còn lại: 10.993.409.072 đồng được thế chấp cho các khoản vay của Quỹ Bảo vệ Môi trường thành phố Hồ Chí Minh (thuyết minh V.17)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư**

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Nhà ở	Nhà chung cư	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2023	3.880.368.661	-	335.135.125	4.215.503.786
Số dư ngày 31/12/2023	3.880.368.661	-	335.135.125	4.215.503.786
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2023	1.652.282.108	-	-	1.652.282.108
Số dư ngày 31/12/2023	1.652.282.108	-	-	1.652.282.108
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư ngày 01/01/2023	2.228.086.553	-	335.135.125	2.563.221.678
Số dư ngày 31/12/2023	2.228.086.553	-	335.135.125	2.563.221.678

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

Thực hiện theo Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển giao quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố về Trung tâm quản lý nhà và giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng để thực hiện công tác quản lý vận hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

09. Phải trả người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Vật tư công trình</b>	<u>166.726.743</u>	<u>166.726.743</u>	<u>461.340.149</u>	<u>461.340.149</u>
Lê Phước Lộc - phụ trách thi công	3.240.000	3.240.000	364.911.609	364.911.609
Đối tượng khác	163.486.743	163.486.743	96.428.540	96.428.540
<b>Người nhận thầu</b>	<u>3.357.452.729</u>	<u>3.357.452.729</u>	<u>3.036.158.145</u>	<u>3.036.158.145</u>
Cty TNHH PT Đô thị An Phước	1.214.910.395	1.214.910.395	1.542.695.811	1.542.695.811
Ông Nguyễn Tấn Huy	1.656.707.678	1.656.707.678	1.023.107.678	1.023.107.678
Ông Phạm Đình Nghị	350.360.356	350.360.356	350.360.356	350.360.356
Đối tượng khác	135.474.300	135.474.300	119.994.300	119.994.300
<b>Dịch vụ vệ sinh</b>	<u>328.265.868</u>	<u>328.265.868</u>	<u>328.265.868</u>	<u>328.265.868</u>
Lê Minh Vũ-VCR Xe ép 51C-356.81	34.846.182	34.846.182	34.846.182	34.846.182
Lê Thanh Tươi-VCR Xe ép ....-7579	293.419.686	293.419.686	293.419.686	293.419.686
<b>Dự án</b>	<u>16.445.223</u>	<u>16.445.223</u>	<u>75.206.079</u>	<u>75.206.079</u>
Cty TNHH Ngọc Quang Minh	16.445.223	16.445.223	16.445.223	16.445.223
Cty Phát triển nhà TPHCM	-	-	58.760.856	58.760.856
<b>Dịch vụ công viên, cây xanh</b>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>673.912.000</u>	<u>673.912.000</u>
Cơ sở hoa kiểng Hùng Hậu	-	-	673.912.000	673.912.000
Khác	-	-	0	-
<b>Quản lý nhà</b>	<u>705.760.000</u>	<u>705.760.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Công ty CP DV bảo vệ Bảo Lâm	693.760.000	693.760.000		
Lê Nguyễn Thùy Loan	12.000.000	12.000.000		
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>4.574.650.563</u></u>	<u><u>4.574.650.563</u></u>	<u><u>4.574.882.241</u></u>	<u><u>4.574.882.241</u></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. Người mua trả tiền trước	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
- BQL dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận Bình Thạnh - Sửa chữa chung cư Vân Nam	55.392.575	55.392.575	55.392.575	55.392.575
- Công ty CP Dịch vụ bảo vệ Bảo Lâm	200.699.000	200.699.000	200.699.000	200.699.000
- Các khoản trả trước thuê nhà - tk 13123	193.651.274	193.651.274	102.470.456	102.470.456
- Các khách hàng khác	422.350.252	422.350.252	137.821.200	137.821.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>872.093.101</b>	<b>872.093.101</b>	<b>496.383.231</b>	<b>496.383.231</b>

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	31/12/2023		01/01/2023	
		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	
- Thuế giá trị gia tăng	1.071.118.409	5.291.859.608	5.342.530.751	1.121.789.552
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	892.043.700	2.151.847.411	2.512.451.578	1.252.647.867
- Thuế thu nhập cá nhân	(13.768.989)	36.018.080	36.387.596	(13.399.473)
- Tiền thuê đất	18.251.986.681	3.246.382.985	3.319.066.985	18.324.670.681
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản nộp thu tiền nhà SHNN	139.747.471	139.747.471	2.892.718.480	2.892.718.480
- Các khoản phải nộp khác	-	149.175.469	15.095.227.892	14.946.052.423
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.341.127.272</b>	<b>11.018.031.024</b>	<b>29.201.383.282</b>	<b>38.524.479.530</b>

a. Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:	31/12/2023	01/01/2023
- Thuế thu nhập cá nhân	13.768.989	13.399.473
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.768.989</b>	<b>13.399.473</b>

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:	31/12/2023	01/01/2023
- Thuế giá trị gia tăng	1.071.118.409	1.121.789.552
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	892.043.700	1.252.647.867
- Tiền thuê đất	18.251.986.681	18.324.670.681
- Các khoản nộp thu tiền nhà SHNN	139.747.471	2.892.718.480
- Các khoản phải nộp khác	-	14.946.052.423
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.354.896.261</b>	<b>38.537.879.003</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

Dịch vụ về chăm sóc bảo quản công viên cây xanh	Không chịu thuế
Dịch vụ về vệ sinh, thoát nước đường phố và các hoạt động khác	10%

### Thuế TNDN

Xem thuyết minh IV.10 và V.12

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì tiền thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào một mục riêng của ngân sách thành phố.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi

### 12. Phải trả công nhân viên

	31/12/2023	01/01/2023
- Lương nhân viên văn phòng	1.237.524.347	1.364.690.849
- Lương bộ phận dịch vụ vệ sinh	2.154.854.872	5.095.732.425
- Lương bộ phận quản lý nhà	178.385.868	2.096.523.138
- Lương viên nhân viên công viên cây xanh	867.640.620	770.712.762
- Lương viên chức quản lý	569.126.690	333.003.512
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.007.532.397</b>	<b>9.660.662.686</b>

- Công ty đang thực hiện tạm trích quỹ tiền lương năm 2023 của viên chức quản lý và người lao động theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ. Hiện Công ty đang chờ quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền quỹ tiền lương thực hiện năm 2023.

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 đã được phê duyệt theo Thông báo số 91/TB-UBND ngày 01/03/2024 của Ủy Ban nhân dân Quận Bình Thạnh.

### 13. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn		
Chi phí vận chuyển rác	1.254.521.090	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.254.521.090</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

14. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2023	01/01/2023
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Doanh thu chưa thực hiện	5.992.223.231	5.444.124.801
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.992.223.231</b>	<b>5.444.124.801</b>

Là khoản tiền được tích lũy tương ứng với khoản phải thu nhà sở hữu nhà nước, các khoản này Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo cơ sở thực thu.

15. Phải trả khác	31/12/2023	01/01/2023
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	149.103.476	149.103.476
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	1.323.972.983	1.227.716.852
- Lãi thu hộ chung cư tái định cư	3.471.860.690	3.194.000.774
- Lãi phạt - thu hộ chung cư tái định cư	5.821.304.239	5.360.873.262
- Phải trả kinh phí sửa chữa chung cư 1050 căn- Viettracimex.	50.000.000	50.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Phúc Gia	9.854.000.000	9.854.000.000
- Công ty CP Địa ốc Sài Gòn (thực hiện dự án Phường 13)	424.251.280	424.251.280
- Công ty CP XD & KD Nhà Đại Phúc (thực hiện dự án Phường 13)	719.000.000	719.000.000
- UBND Quận Bình Thạnh	65.640.257	65.640.257
- Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	400.000.000	400.000.000
- Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh, Cty ĐTTTC,NS Quận BT... (các khoản thu tiền nhà trả góp chung cư + nền đất tái định cư)	21.827.092.698	22.390.759.822
- Thuế TNCN phải trả cho nhân viên	142.514.872	104.008.157
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	724.846.397	722.888.959
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.973.586.892</b>	<b>44.662.242.839</b>

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	31/12/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2023
Quỹ khen thưởng	9.743.289.467	7.565.590.666	2.928.411.461	5.106.110.262
Quỹ phúc lợi	1.814.820.823	7.527.890.666	6.116.968.084	403.898.241
Quỹ thưởng ban điều hành	751.629.522	485.849.444	86.832.649	352.612.727
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.309.739.812</b>	<b>15.579.330.776</b>	<b>9.132.212.194</b>	<b>5.862.621.230</b>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

17. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Nợ vay đến hạn trả						
Quỹ Bảo vệ Môi trường thành phố Hồ Chí Minh						
Hợp đồng số 03-2019/HĐTĐQBVM	115.952.000	115.952.000	115.952.000	463.968.000	463.968.000	463.968.000
Hợp đồng số 13-2020/HĐTĐQBVM	621.960.000	621.960.000	621.960.000	621.960.000	621.960.000	621.960.000
Hợp đồng số 09.2021/HĐTĐQBVM	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.637.912.000</b>	<b>1.637.912.000</b>	<b>1.637.912.000</b>	<b>1.985.928.000</b>	<b>1.985.928.000</b>	<b>1.985.928.000</b>

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh						
Hợp đồng số 03-2019/HĐTĐQBVM	-	-	-	115.952.000	115.952.000	115.952.000
Hợp đồng số 13-2020/HĐTĐQBVM	363.010.000	363.010.000	-	621.960.000	984.970.000	984.970.000
Hợp đồng số 09.2021/HĐTĐQBVM	1.725.000.000	1.725.000.000	-	900.000.000	2.625.000.000	2.625.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.088.010.000</b>	<b>2.088.010.000</b>	<b>-</b>	<b>1.637.912.000</b>	<b>3.725.922.000</b>	<b>3.725.922.000</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### 17. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 03-2019/HĐTD-QBVMT ngày 07 tháng 03 năm 2019 với thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay: 4,27%/năm. Mục đích vay mua xe thu gom, vận chuyển rác, tài sản thế chấp là 03 chiếc xe ép rác mua mới: xe hiệu THACO biển số 51D 459.60 và xe THACO biển số 51D-459.65.

Hợp đồng tín dụng số 13-2020/HĐTD-QBVMT ngày 30 tháng 6 năm 2020 với thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay: 4,27%/năm. Mục đích mua xe thu gom, vận chuyển rác, tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác mua mới: xe ISUZU biển số 51D-611.58 và xe ISUZU biển số 51D-611.86.

Hợp đồng tín dụng 09.2021/HĐTD-QBVMT ngày 06 tháng 12 năm 2021 với thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay: 4,00%/năm. Mục đích mua xe thu gom, vận chuyển rác, tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ép rác hiệu ISUZU biển số 50H-099.63 và xe hiệu ISUZU biển số 510H-099.89

Công ty chuyển nợ dài hạn thành nợ ngắn hạn phải trả là: 1.637.912.000 VND.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>17.256.635.403</b>	<b>18.520.946.615</b>	<b>35.777.582.018</b>
Lãi trong năm trước		6.423.663.304	6.423.663.304
Trích lập các quỹ		(9.473.739.143)	(9.473.739.143)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>17.256.635.403</b>	<b>15.470.870.776</b>	<b>32.727.506.179</b>
Lãi trong năm		6.342.724.836	6.342.724.836
Trích lập các quỹ		(15.470.870.776)	(15.470.870.776)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>17.256.635.403</b>	<b>6.342.724.836</b>	<b>23.599.360.239</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2023	01/01/2023
Vốn của nhà nước	17.256.635.403	17.256.635.403
Vốn góp của các đối tượng khác		
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn vào ngày 01/01	17.256.635.403	17.256.635.403
+ Vốn vào ngày 31/12	<u>17.256.635.403</u>	<u>17.256.635.403</u>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
19. Nguồn kinh phí và quỹ khác	Năm 2023	Năm 2022
a. Nguồn kinh phí	Năm 2023	Năm 2022
- Số dư đầu năm	11.298.162.564	9.328.568.968
<b>Tăng trong năm</b>	<b>6.004.388.913</b>	<b>23.985.216.468</b>
-Thu hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước	5.863.941.978	21.362.847.350
-Thu 2% chi phí quản lý chung cư	47.379.548	39.702.080
-Thu 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	32.467.387	2.453.842.670
-Kết chuyển kinh phí sửa chữa nhà	-	128.824.368
-Thu khác	60.600.000	-
<b>Giảm trong năm</b>	<b>(6.949.171.671)</b>	<b>(22.015.622.872)</b>
-Chi hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước	(2.477.811.522)	(14.941.128.870)
-Chi 2% chi phí quản lý chung cư	(148.800.000)	(146.000.000)
-Chi 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	(915.174.481)	(506.775.522)
-Chi phí sửa chữa nhà	(16.534.000)	-
-Chi nhà thuộc SHNN	(4.721.212)	-
-K/c về phải nộp ngân sách Nợ 461/Có 3339	(3.386.130.456)	(6.421.718.480)
- Số dư cuối năm	<u>10.353.379.806</u>	<u>11.298.162.564</u>

Công ty ghi nhận nguồn kinh phí sự nghiệp gồm các nguồn sau đây: Nguồn thu và chi hộ ngân sách về cho thuê/bán nhà ở và nhà SXKD thuộc sở hữu của Nhà nước; Nguồn thu 5% của giá bán căn hộ (2% chi phí quản lý, 3% chi phí duy tu bảo dưỡng); Nguồn kinh phí quản lý đất nền và Nguồn khác. Công ty sử dụng tài khoản 161-chi sự nghiệp để ghi chi, tài khoản 461 để ghi thu. Các hoạt động thu-chi này Công ty thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Sở tài chính thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		Năm 2023	Năm 2022
- Số dư đầu năm		6.415.858.593	17.646.637.925
Tăng trong năm		-	11.759.794
Giảm trong năm		-	(11.242.539.126)
- Số dư cuối năm		6.415.858.593	6.415.858.593

19. Các khoản mục ngoài Bảng CĐKT	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Vàng	18,8 lượng	1.238.920.000	18,8 lượng	1.238.920.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

		Năm 2023	Năm 2022
1.	<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	111.931.825.939	128.772.053.050
<i>trong đó:</i>			
	Doanh thu công trình công ích	27.365.326.925	24.643.293.298
	Doanh thu công trình kinh doanh	748.065.295	1.616.053.901
	Doanh thu vệ sinh công ích	29.822.952.528	31.946.610.743
	Doanh thu vệ sinh kinh doanh	11.732.800.455	8.709.759.832
	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	20.131.739.142	26.049.023.126
	Doanh thu đội công viên cây xanh	9.227.151.212	8.397.127.851
	Doanh thu duy tu đường bộ	158.183.733	115.848.607
	Doanh thu quản lý nhà cho thuê ở	-	12.805.834.031
	Doanh thu quản lý nhà sản xuất kinh doanh	5.863.941.978	8.557.013.319
	Doanh thu dịch vụ quản lý chung cư	6.352.802.131	5.232.891.542
	Doanh thu hoạt động khác	528.862.540	698.596.800
	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>5.863.941.978</b>	<b>21.388.443.216</b>
<i>trong đó:</i>			
	Nguồn thu nhà SHNN, công tác thu phí vệ sinh	5.863.941.978	21.388.443.216
	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>106.067.883.961</b>	<b>107.383.609.834</b>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Năm 2023	Năm 2022
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn công trình công ích	25.486.478.666	22.811.568.908
Giá vốn công trình kinh doanh	637.995.866	1.622.792.515
Giá vốn vệ sinh công ích	25.504.428.559	30.734.803.618
Giá vốn vệ sinh kinh doanh	3.755.099.377	2.466.587.088
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	18.888.618.088	20.176.349.888
Giá vốn quản lý chung cư	6.218.045.040	4.767.994.414
Giá vốn công viên cây xanh - Công ích và KD	7.431.643.537	7.167.284.069
Giá vốn duy tu đường bộ	148.044.235	108.560.000
Giá vốn hoạt động khác	467.001.000	500.237.577
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.537.354.368</b>	<b>90.356.178.077</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	187.360.418	364.080.217
<b>Tổng cộng</b>	<b>187.360.418</b>	<b>364.080.217</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	-	289.644.932
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>289.644.932</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	7.111.651.110	7.065.933.280
Chi phí vật liệu quản lý	479.396.629	438.394.295
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.609.091	74.199.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.337.937	362.673.028
Thuế, phí và lệ phí	23.848.985	19.907.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.628.260	275.938.484
Chi phí bằng tiền khác	1.790.453.172	886.831.481
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.827.925.184</b>	<b>9.123.876.919</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	40.611.559	51.589.312
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.611.559</b>	<b>51.589.312</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	2.170.341	305
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.170.341</b>	<b>305</b>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Năm 2023	Năm 2022
<b>8. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.928.406.045	8.029.579.130
Cộng các khoản chi phí không được trừ	-	
Thu nhập tính thuế	7.928.406.045	8.029.579.130
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	1.585.681.209	1.605.915.826
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.585.681.209</b>	<b>1.605.915.826</b>
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	8.078.043.660	10.709.627.651
Chi phí nhân công;	50.025.644.803	74.608.823.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	106.337.937	2.050.727.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	45.768.304.631	22.429.064.564
Chi phí khác bằng tiền.	1.814.302.157	886.831.481
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.792.633.188</b>	<b>110.685.074.805</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

1. Số tiền đã thực nhận vay trong kỳ:	-	
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	1.985.928.000	(1.985.928.000)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm:

**Bên liên quan**

- Ông Hoàng Quốc Tiến
- Bà Phạm Thị Ánh Hồng
- Bà Trần Thị Thùy Dung
- Ông Lê Trí Bá
- Ông Nguyễn Ngọc Nga
- Bà Lâm Thị Hoàng Hương

**Mối quan hệ**

- Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Thành viên Hội đồng thành viên
- Kiểm soát viên
- Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc



# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phát sinh trong năm với các bên liên quan:	Năm 2023	Năm 2022
- Ông Nguyễn Ngọc Nga		
Trả tiền tạm ứng trong năm	-	79.580.823
<b>Công nợ phải thu với các bên liên quan</b>		
<b>Bên liên quan</b>	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
- Ông Nguyễn Ngọc Nga	301.078.677	301.078.677
<b>2. Thu nhập của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
Thu nhập	1.831.430.000	1.907.810.000

### 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm 2023 đã được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

### 4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2023 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Công ty đang trong quá trình chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần theo chủ trương của Nhà nước.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Tiến Khoa  
Người lập biểu

Nguyễn Anh Quân  
Kế toán trưởng

Lê Trí Bá  
Giám đốc